



JICA Forestry in Vietnam

Hoạt động Lâm nghiệp của JICA tại Việt Nam

December 2011
Tháng 12 năm 2011

Mục lục

Content

1. JICA ở Việt Nam
2. Lâm nghiệp Việt Nam
3. Tổng quan chương trình lâm nghiệp của JICA tại Việt Nam
4. Các dự án/hợp tác đang thực hiện (tính đến tháng 12/2011)
5. Các dự án/hợp tác đã hoàn thành trong những năm gần đây

1. JICA in Vietnam
2. Vietnam Forestry
3. JICA Vietnam forestry program overview
4. On going cooperation (as of Dec 2011)
5. Recently completed cooperation



1 JICA ở Việt Nam

JICA in Vietnam 1

Nhật Bản nối lại viện trợ ODA cho Việt Nam từ năm 1992, từ đó đến nay Nhật Bản là nhà tài trợ lớn nhất cho Việt Nam. Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) hỗ trợ song phương thông qua hợp tác kỹ thuật và tài chính.

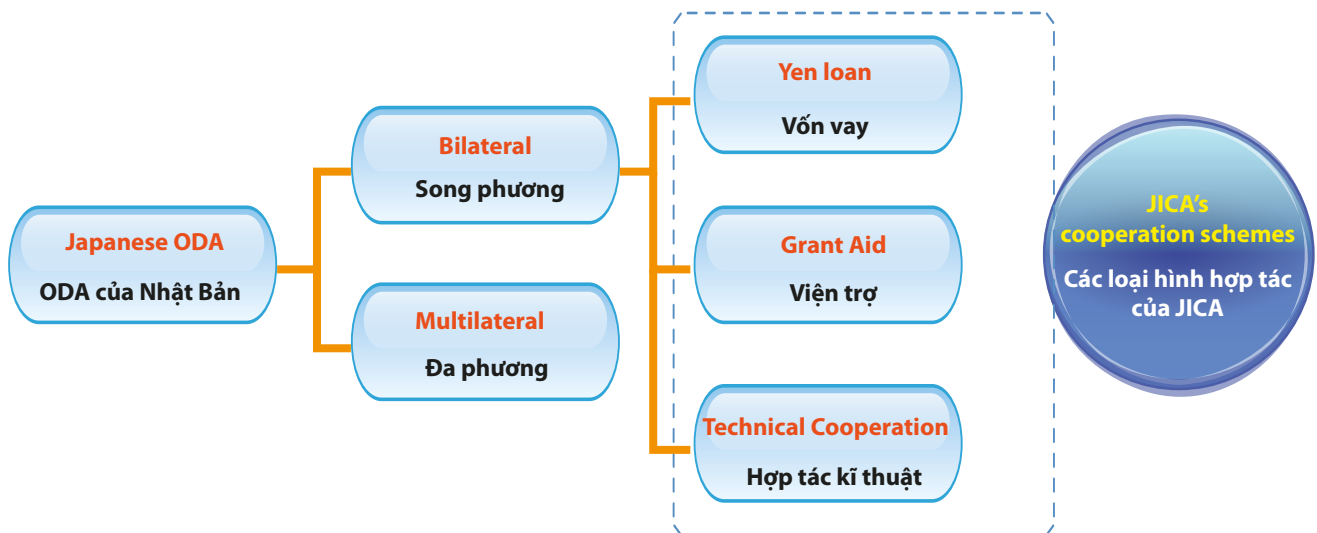
- **Vốn vay ODA:** Vốn vay đồng Yên dài hạn với lãi suất ưu đãi và thấp.
- **Viện trợ không hoàn lại:** Hỗ trợ vốn không có nghĩa vụ hoàn lại, đặc biệt hỗ trợ cải thiện nhu cầu cơ bản của con người.
- **Hợp tác kỹ thuật:** Hợp tác thông qua việc cử chuyên gia Nhật Bản, tiếp nhận học viên và các sáng kiến ở cấp cơ sở (chẳng hạn như trường đại học, tổ chức phi chính phủ).

Thêm vào 3 loại hình hợp tác trên, chương trình tình nguyện viên (Tình nguyện viên hợp tác hải ngoại Nhật Bản) và trợ giúp thiên tai khẩn cấp cũng được thực hiện vì vậy JICA có thể hỗ trợ toàn diện cho nhu cầu của các nước nhận viện trợ.

Japan resumed its ODA to Vietnam in 1992, and since then it has been the biggest donor to Vietnam. The Japan International Cooperation Agency (JICA) provides bilateral assistance through a combination of technical and financial cooperation.

- **ODA loans:** long-term Yen loans with preferential and low interest rates.
- **Grant Aid:** funds provided with no repayment obligation, especially targeting assistance towards improvement of basic human needs.
- **Technical Cooperation:** cooperation provided by means of dispatch of Japanese experts, receipt of trainees, and grassroots level initiatives (e.g. universities, NGOs).

In addition to the above three schemes, volunteer program (Japan Overseas Cooperation Volunteers) and emergency disaster relief are provided, which enables JICA to offer comprehensive assistance to the needs of the recipient countries.



2 Lâm nghiệp Việt Nam

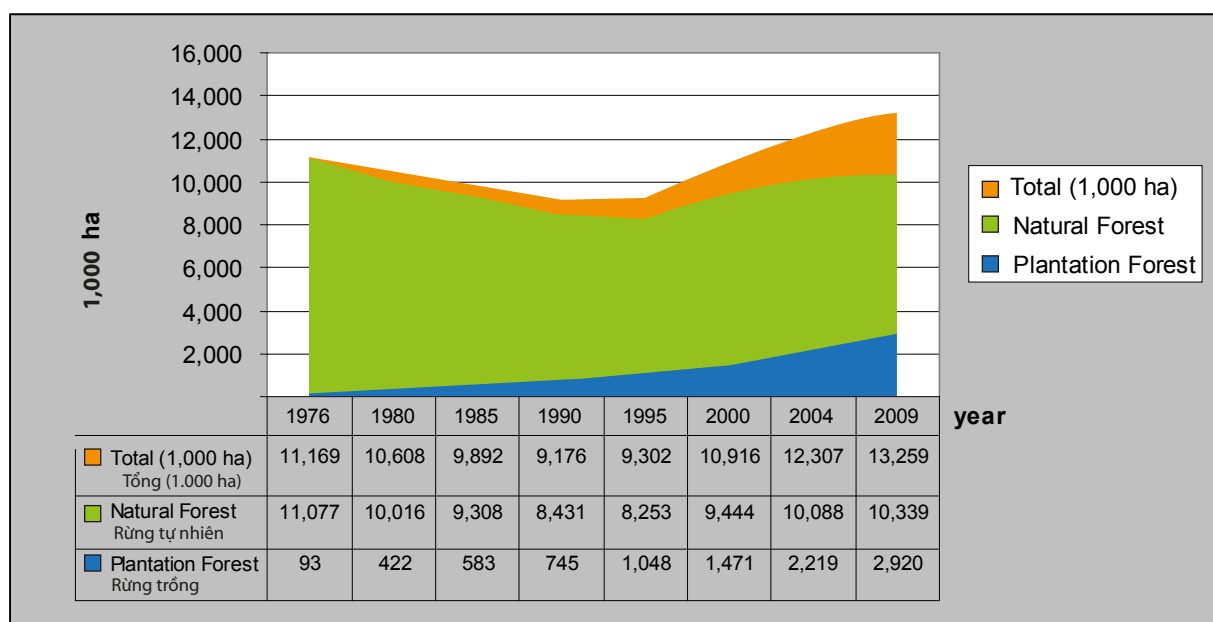
Vietnam Forestry 2

Địa hình và thời tiết phức tạp của Việt Nam đã tạo ra tính đa dạng của hệ sinh thái rừng, gồm có rừng lá rộng thường xanh, rừng nửa rụng lá trên núi cao và thấp, rừng lá kim thường xanh hỗn loài, rừng ngập mặn, rừng tre nứa, v.v. Với hệ sinh thái đa dạng này, Việt Nam là một trong những nước có đa dạng sinh học cao nhất trên thế giới.

Rừng của Việt Nam đã thay đổi nhanh chóng trong những năm qua. Hai cuộc chiến tranh 1945-1954 và 1961-1975, di cư, quá trình khai thác bừa bãi và quản lý rừng không bền vững đã dẫn đến việc suy giảm diện tích rừng từ 43% năm 1943 xuống 28% năm 1995. Rừng tự nhiên bị tác động đáng kể với việc giảm diện tích, chất lượng và sản lượng gỗ trong từng cánh rừng, và chia cắt cảnh quan. Tuy nhiên, do những nỗ lực quốc gia về trồng rừng, phục hồi rừng, xu hướng đã ngược lại so với những năm 90. Năm 2009, diện tích rừng đã phục hồi 13.258.843 ha - tương đương 39,1% - trong đó 10.339.305 ha là rừng tự nhiên và 2.919.538 ha là rừng trồng. Gần đây, mặc dù diện tích rừng tăng song vẫn còn những mối đe dọa chẳng hạn như chuyển đổi sang đất canh tác nông nghiệp, phát triển hạ tầng kinh tế như đường, thủy điện, khai thác không bền vững, khai thác trái phép và cháy rừng.

The complex topography and climate of Vietnam has created the diversity of its forest ecosystems, which includes evergreen broad-leaved forests, semi-deciduous forests on high and low mountains, mixed evergreen coniferous forest, mangroves, bamboos, and so on. Such diverse ecosystems make Vietnam one of the most biologically diverse countries in the world.

Vietnam's forest landscape has changed dramatically over time. The two wars of 1945-1954 and 1961-1975, migration of lowland people into forest areas, and the history of over-exploitation and unsustainable management of forests resulted in the decline of forest area from 43% in 1943 to 28% in 1995. The impact on natural forests was considerable with loss of area, quality and timber volume in individual forests, and fragmentation of landscapes. However, due to national efforts towards afforestation and restoration of forests, this trend was reversed in the 1990's. In 2009, the forest area recovered to 13,258,843 ha - equivalent to 39.1% of the land - of which 10,339,305 ha are natural forests while 2,919,538 ha are plantations. Although the forest area is on the increase, there are still some threats, such as conversion to agricultural land, development of economic infrastructure including roads and hydropower plants, unsustainable logging, illegal logging, and forest fires.



Nguồn: Quyết định 1267/QĐ-BNN-KL ngày 5/5/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Source: MARD Decision No.1267/QĐ-BNN-KL dated 5/05/2009

Gần 25 triệu người, gồm có 12 triệu đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống trong rừng và một phần hay phần lớn sống phụ thuộc vào rừng. Rừng là nguồn thu nhập quan trọng đối với họ vì rừng cung cấp gỗ và lâm sản ngoài gỗ, rừng tạo cơ sở sinh sống và sản xuất ổn định thông qua việc bảo tồn nước và đất, duy trì cảnh quan cho nhu cầu giải trí, du lịch và các lợi ích khác. Vì vậy, việc cân bằng phát triển kinh tế nông thôn thông qua sử dụng rừng bền vững là rất quan trọng đối với Việt Nam.

Nearly 25 mil. people, including 12 mil. ethnic minority people, are living in the forest areas and depending partly or largely on the forest for their livelihood. Forests are the important income source for these people in providing timber and Non-Timber-Forest Products, creating stable living and production base through water and soil conservation, keeping the scenic beauty for recreation and tourism, among other benefits. Therefore, it is crucial for Vietnam to balance the development of its rural economy through sustainable use of forests.

Đất lâm nghiệp được quản lý theo một trong 3 loại chức năng sau:

Rừng đặc dụng là rừng có mục tiêu bảo tồn những diện tích rừng có giá trị bảo tồn cao. Loại rừng này là nơi các loài động thực vật rừng quý hiếm sinh sống và có thể được sử dụng cho các mục đích khác như nghiên cứu khoa học, du lịch tác động thấp. Vườn quốc gia, khu bảo tồn, khu bảo vệ cảnh quan (gồm có lịch sử và văn hóa) và khu nghiên cứu thí nghiệm khoa học cũng thuộc loại này.

Rừng phòng hộ có mục tiêu là bảo vệ và tăng cường các chức năng của rừng chẳng hạn như bảo vệ đầu nguồn, chắn gió và cát, rừng phòng hộ chắn sóng, v.v. Vai trò của rừng phòng hộ trở nên quan trọng hơn ở một đất nước như là Việt Nam, nơi được biết đến là dễ bị tổn thương bởi ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

Rừng sản xuất gồm cả rừng tự nhiên và rừng trồng là nguồn sản xuất gỗ chính cũng như khai thác lâm sản ngoài gỗ. Quản lý bền vững rừng sản xuất là rất quan trọng không chỉ đáp ứng nhu cầu kinh tế mà còn đảm bảo các chức năng phòng hộ và bảo tồn mà rừng sản xuất mang lại.

Forest land is managed according to one of three functional categories:

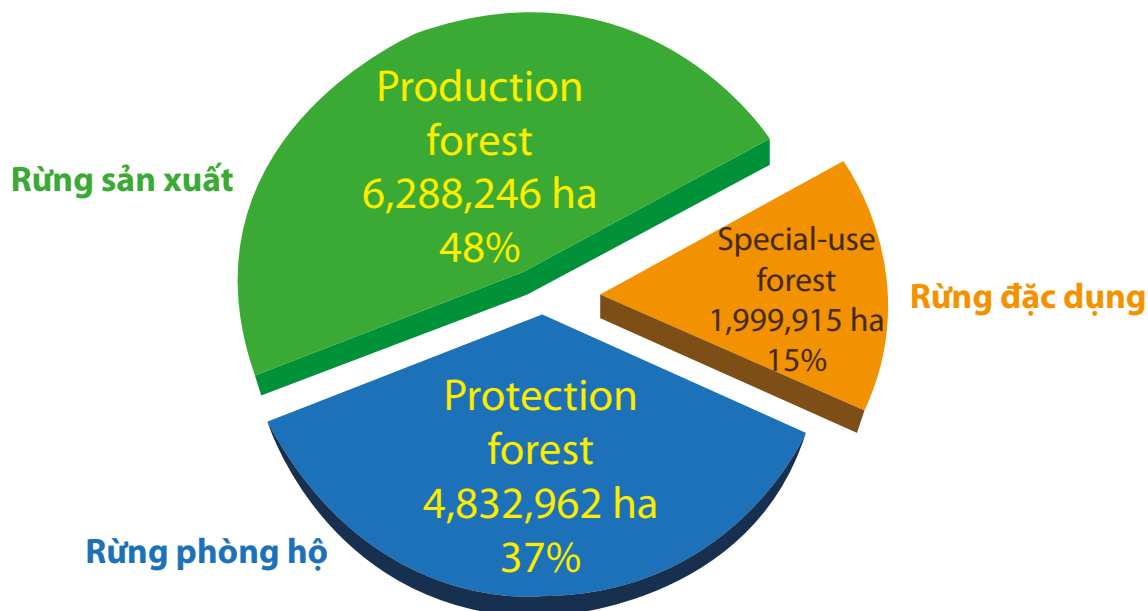
Special-use forest is the forest type established with the aims at preserving the forest areas with high-conservation-value. This type of forest is home to the rich genetic sources of forest flora and fauna, and can be used for limited purposes, such as scientific research, and low-impact tourism. National parks, nature conservation areas, landscape protection areas (including historical, cultural sites) and scientific experimental and research areas fall into this category.

Protection forest is established primarily for the purpose of protecting and enhancing functions such as watershed protection, wind- and sand-shielding, wave-breaking. The role of protection forests is increasing in Vietnam, which is known to be vulnerable to the climate change impacts.

Production forest, both natural and planted, is the main source of timber production as well as Non-Timber-Forest Products harvesting. Sustainable management of production forest is the key not only to meet economic demands, but also to secure the protection and conservation functions that production forests provide.

3 forest categories 2009

Diện tích 3 loại rừng năm 2009



Nguồn: *Lâm nghiệp Việt Nam* (3/2011, Tổng cục Lâm nghiệp)

Source: *VIET NAM FORESTRY* (March 2011, VNFOREST)

3 Tổng quan chương trình lâm nghiệp của JICA tại Việt Nam

JICA đang hợp tác với Chính phủ Việt Nam nhằm chứng minh vai trò đa chức năng của rừng và tối đa hóa lợi ích của tài nguyên rừng cho con người. Hỗ trợ của JICA được hài hòa với các chiến lược chủ chốt trong ngành lâm nghiệp, chẳng hạn như Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam (2006-2020) và các chiến lược và kế hoạch khác của Chính phủ. Có 5 lĩnh vực hợp tác chính sau đây:

- **Lĩnh vực 1: Hỗ trợ chính sách**

JICA đang hỗ trợ tăng cường năng lực ở cấp quốc gia và địa phương trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách giải quyết các thách thức dài hạn.

- **Lĩnh vực 2: Quản lý rừng bền vững (SFM)**

JICA hỗ trợ các hoạt động trồng mới và tái trồng rừng sản xuất và rừng phòng hộ. Bằng việc hỗ trợ tiếp nối nhằm tăng hiệu suất quản lý, cả số lượng và chất lượng rừng sẽ được cải thiện.

- **Lĩnh vực 3: Phát triển sinh kế của cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng**

JICA hỗ trợ quản lý rừng bền vững có sự tham gia của cộng đồng địa phương. Việc xác định các cơ chế khả thi quản lý rừng vì người nghèo sẽ là thách thức chính để cân bằng việc bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên rừng.

- **Lĩnh vực 4: Bảo tồn đa dạng sinh học**

Để đảo ngược xu hướng suy giảm nguồn tài nguyên sinh học, JICA hỗ trợ tăng cường năng lực xây dựng và thực hiện chính sách bảo tồn đa dạng sinh học.

- **Lĩnh vực 5: Biến đổi khí hậu và lâm nghiệp**

Để giải quyết thách thức toàn cầu về sự ấm lên của trái đất, JICA hỗ trợ lồng ghép quản lý lâm nghiệp với các chiến lược giảm thiểu (chẳng hạn như REDD) và thích ứng với biến đổi khí hậu.



JICA Vietnam forestry program overview 3

JICA is collaborating with the Vietnamese government in order to demonstrate the multi-functional role of forests and maximize the benefit of forest resources for the people. JICA's support is structured in harmonization with the key forestry sector strategies of Vietnam, such as the National Forestry Development Strategy (2006-2020) and other governmental strategies and plans. There are five main areas of cooperation:

- **Area 1: Policy support**

JICA supports the development of national and local capacity to formulate and implement policies to address long-term challenges.

- **Area 2: Sustainable forest management (SFM)**

JICA's support targets afforestation and reforestation activities of production and protection forests. By following up with further support for increased management efficiency, improvement will reach both quality and quantity dimensions of forests.

- **Area 3: Livelihoods development of forest dependent communities**

JICA provides support to enable sustainable forest management with the participation of local communities. Identifying workable arrangements of pro-poor forest management will be the key challenge to balance protection and sustainable use of forest resources.

- **Area 4: Biodiversity conservation**

In order to reverse the declining trend of the biological resources, JICA support aims to build capacity in biodiversity conservation policy and implementation.

- **Area 5: Climate change and forestry**

In order to address the challenge of tackling global warming, JICA support aims to integrate forestry management with climate change mitigation (i.e. REDD+) and adaptation strategies.

JICA cooperation

Hợp tác của JICA

Outcomes

Các kết quả

Goal

Mục tiêu

Policy support

Hỗ trợ chính sách

Strengthened policy

Chính sách được tăng cường

Sustainable Forest Management
(SFM)

Quản lý rừng bền vững (SFM)

Improved quality and
quantity of forestsSố lượng và chất lượng
rừng được cải thiện

Livelihood Development

Phát triển sinh kế

Increased benefits from
ecosystemsLợi ích thu được từ hệ sinh
thái tăng

Biodiversity

Đa dạng sinh học

Conservation of biodiversity

Bảo tồn đa dạng sinh học

Climate change

Biến đổi khí hậu

Role of forests for climate
change mitigation/adaptationVai trò của rừng trong việc
giảm nhẹ/thích ứng với biến
đổi khí hậu

Enhanced multi-functional role of forests and natural resources
Tăng cường vai trò đa chức năng của rừng và tài nguyên thiên nhiên

Maximized benefits for the people
Tối đa hóa lợi ích cho con người

Tên /Title	
Cố vấn chương trình lâm nghiệp (Hợp tác kỹ thuật)	Forestry Program Advisor (Technical Cooperation)
Cơ quan đối tác /Counterpart	
- Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	- Vietnam Administration of Forestry, MARD
- Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	- International Cooperation Department, MARD
Thời gian /Duration	
Không áp dụng	n.a.
Địa điểm /Location	
Hà Nội	Hanoi
Mục tiêu /Objectives	
<p>JICA đã và đang hỗ trợ chính sách cho ngành lâm nghiệp Việt Nam thông qua việc cử các cố vấn lâm nghiệp trong hơn 15 năm qua. Cố vấn lâm nghiệp giúp tăng cường năng lực xây dựng và thực hiện các biện pháp liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp và bảo tồn thiên nhiên. Nhiệm vụ chính của Cố vấn lâm nghiệp như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tăng cường năng lực và hiểu biết giữa các đối tác trong việc xây dựng và thực hiện các biện pháp liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp và bảo tồn thiên nhiên. 2. Thúc đẩy điều phối viện trợ giữa các nhà tài trợ trong lĩnh vực lâm nghiệp và bảo tồn thiên nhiên. 3. Hỗ trợ thực hiện hợp tác của JICA về lâm nghiệp và bảo tồn thiên nhiên. 	<p>JICA has been providing policy support to Vietnam forestry sector through dispatch of forestry advisors for more than 15 years. The forestry advisor is assigned to improve capacity in formulation and implementation of measures related to nature conservation and forestry sector. The main tasks are:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. To improve capacity and understanding among counterparts in formulation and implementation of nature conservation and forestry sector related measures. 2. To facilitate aid coordination among donors in the nature conservation and forestry sector. 3. To facilitate delivery of JICA's support on nature conservation and forestry sector.

Hình ảnh /pictures



Tên /Title

Dự án tăng cường năng lực lập kế hoạch và thực thi trồng rừng (FICAB 2) (Hợp tác kỹ thuật)

The Afforestation Planning and Implementation Capacity Strengthening Project (FICAB 2) (Technical Cooperation)

Cơ quan đối tác /Counterpart

Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Vietnam Administration of Forestry, MARD

Thời gian /Duration

Tháng 3/2010 - 2/2013

March 2010 - February 2013

Địa điểm /Location

Hà Nội và 23 tỉnh

Hanoi, 23 provinces

Mục tiêu /Objectives

Việt Nam đã và đang cố gắng trồng rừng trong những năm gần đây và độ che phủ tăng từ những năm 90 mặc dù mục tiêu quốc gia về trồng rừng vẫn chưa đạt được. Để đẩy nhanh việc trồng rừng, cần phải tăng cường năng lực cho các bên tham gia của địa phương.

Dự án có mục tiêu xúc tiến phát triển nguồn nhân lực cho các cán bộ lâm nghiệp ở các tỉnh mục tiêu thông qua các lớp tập huấn trong nước. Bộ tài liệu tập huấn đã được Dự án Nghiên cứu phát triển "FICAB" (2/2005 - 3/2007) xây dựng được sử dụng cho việc tăng cường năng lực lập dự án ở các tỉnh từ miền Bắc đến miền Trung, thông qua đó mở rộng việc phát triển rừng phòng hộ và rừng sản xuất ở Việt Nam. Dự án có các mục tiêu chính như sau:

1. Thực hiện các công việc chuẩn bị tập huấn.
2. Tiến hành tập huấn lập kế hoạch trồng rừng cho Nhóm nghiên cứu cấp tỉnh (PST).
3. PST lập báo cáo nghiên cứu khả thi (F/S), xây dựng kế hoạch thực hiện (I/P) và phổ biến F/S, I/P.
4. Cải thiện bộ tài liệu tập huấn và nâng cao năng lực của tổ chức tập huấn.

Vietnam has been making national effort to the reforestation of country in the recent years, and as the result, the forest coverage is increasing since the '90s, although the national target for reforestation has yet to be met. In order to accelerate the effort, further capacity building of the local government stakeholders is inevitable.

The Project aims to promote human resource development of forestry agency related personnel of targeted provinces through implementation of in-country field trainings. The training package developed in the previous-phase "FICAB" (2. 2005 - 3. 2007) is used for strengthening of project planning capacity, in a wide range of provinces from Northern to Central Vietnam, and thereby expand the establishment of production and protection forests in Vietnam. The main components are to:

1. Carry out preparatory activities for training.
2. Carry out training for afforestation planning targeting Provincial Study Team (PST).
3. Carry out a F/S (feasibility study) through PST, and to develop an I/P (implementation plan) and to disseminate these publicly.
4. Improve the training institutions and training package.

Hình ảnh /pictures



Tên /Title

Dự án quản lý rừng bền vững vùng đầu nguồn Tây Bắc (SUSFORM-NOW) (Hợp tác kỹ thuật)

Project for Sustainable Forest Management in the Northwest Watershed Area (SUSFORM-NOW) (Technical Cooperation)

Cơ quan đối tác /Counterpart

- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các cơ quan khác ở tỉnh Điện Biên

- Department of Agriculture and Rural Development, and other agencies of Dien Bien province

- Tổng cục Lâm nghiệp

- Vietnam Administration of Forestry

Thời gian /Duration

Tháng 8/2010 – 8/2015

August 2010 – August 2015

Địa điểm /Location

Tỉnh Điện Biên

Dien Bien province

Mục tiêu /Objectives

Tỉnh Điện Biên là vùng đầu nguồn quan trọng của vùng Tây bắc Việt Nam. Việc ngăn chặn phá rừng cũng như tăng cường trồng rừng có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống của con người không chỉ ở trong vùng Tây bắc mà còn ở vùng hạ lưu.

Dự án này có 2 mục tiêu đó là quản lý rừng có sự tham gia bởi cộng đồng địa phương và phát triển sinh kế của họ thông qua các hoạt động sau:

1. Kiểm nghiệm các phương pháp tiếp cận để đạt được đồng thời 2 mục đích lập kế hoạch sử dụng đất có sự tham gia và phát triển sinh kế.
2. Tăng cường năng lực thể chế và kỹ thuật cần thiết cho các cơ quan thực hiện để xúc tiến các hoạt động thí điểm.
3. Đảm bảo thông qua chiến lược của tỉnh phổ biến kết quả các hoạt động thí điểm ở tỉnh Điện Biên.

Dien Bien province is an important watershed of North-western Vietnam. Prevention of further deforestation as well as promotion of reforestation has crucial importance for the life of the people not only in the region, but also in the downstream.

This project aims to address the dual objectives of participatory forest management by local communities and their livelihoods development, through the following activities:

1. To validate the approaches for realizing the dual objectives of participatory land use planning and livelihoods development.
2. To enhance the necessary technical and institutional capacity of executing agencies for promotion of pilot activities.
3. To ensure adoption of a provincial dissemination strategy of the results of the pilot activities in Dien Bien province.

Hình ảnh /pictures



Tên /Title

**Dự án Tăng cường năng lực quản lý
Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà dựa vào cộng đồng
(Hợp tác kỹ thuật)**

**The Project for Strengthening Community-based
Management Capacity of Bidoup-Nui Ba National Park
(Technical Cooperation)**

Cơ quan đối tác /Counterpart

Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà

Bidoup-Nui Ba National Park Management Board

Thời gian /Duration

1/2010 – 12/2013

January 2010 – December 2013

Địa điểm /Location

Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà, tỉnh Lâm Đồng

Bidoup-Nui Ba National Park, Lam Dong province

Mục tiêu /Objectives

Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà ở tỉnh Lâm Đồng với diện tích 70.038 ha nằm ở một trong 4 trung tâm đa dạng sinh học của Việt Nam. Tuy nhiên, việc phát triển kinh tế nhanh chóng đang gây ra những rủi ro cho nguồn tài nguyên thiên nhiên của Vườn quốc gia và vùng đệm.

Dự án này có mục tiêu tăng cường năng lực quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên của Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà (BNBNP). Mục tiêu này sẽ đạt được thông qua việc xây dựng mô hình quản lý hợp tác giữa Ban quản lý BNBNP và các cộng đồng xung quanh. Các hợp phần chính của dự án như sau:

1. Thiết lập thể chế vận hành 2 hợp phần dự án (CBET and EFLO)
2. Xây dựng mô hình du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng (CBET) ở vùng được lựa chọn.
3. Xây dựng và chuẩn bị phổ biến các phương án sinh kế thân thiện với môi trường (EFLO).
4. Xác định các vấn đề và các hoạt động cần thiết để thực hiện quản lý hợp tác bền vững của các cộng đồng mục tiêu, tập trung vào CBET và EFLO.

Bidoup Nui-Ba National Park in Lam Dong province, with its area size of 70,038ha, is located in one of four national biodiversity centers of Vietnam. However, the rapid development of the local economy is causing risks to the natural resources of the park and the buffer-zone areas.

This project aims to strengthen Bidoup-Nui Ba National Park (BNBNP) Management Board's management capacity to sustainably manage the rich natural resources. This will be achieved through development of a collaborative-management model between the BNBNP Management Board and the neighboring communities. The main components are as follows:

1. To establish the institutional arrangement for operating the two components of the Project (CBET and EFLO)
2. To develop a Community Based Eco Tourism (CBET) model project in the selected area.
3. To develop and prepare for dissemination of Environmental Friendly Livelihood Options (EFLO).
4. To identify issues and necessary activities for the targeted communities' sustained implementation of collaborative-management, focusing on CBET and EFLO.

Hình ảnh /pictures



Tên /Title

Dự án xây dựng hệ thống dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia (Hợp tác kỹ thuật)

Project for Development of the National Biodiversity Database System (Technical Cooperation)

Cơ quan đối tác /Counterpart

Cục Bảo tồn Đa dạng sinh học, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường và tỉnh Nam Định

Biodiversity Conservation Agency, VEA, MONRE and Nam Dinh province

Thời gian /Duration

Tháng 11/2011 - 3/2015

November 2011 - March 2015

Địa điểm /Location

Hà Nội và tỉnh Nam Định

Hanoi and Nam Dinh province

Mục tiêu /Objectives

Đa dạng sinh học nổi tiếng của Việt nam đang đối mặt với việc suy giảm nghiêm trọng do phát triển kinh tế nhanh và thay đổi sử dụng đất. Kiến thức có lợi cho bảo tồn đa dạng sinh học bị phân tán trên khắp đất nước và do các thực thể khác nhau sở hữu. Thiếu hệ thống điều tra theo dõi và đánh giá đa dạng sinh học cũng đang cản trở việc tích lũy các số liệu thống nhất.

Dự án này có mục tiêu xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia (NBDS) ở Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE), với cơ quan đối tác là Tổng cục Môi trường. Ở cấp địa phương, tỉnh Nam Định được lựa chọn là tỉnh thí điểm để thử nghiệm theo dõi đa dạng sinh học và xây dựng cơ sở dữ liệu cấp tỉnh. Các kết quả chính của dự án sẽ như sau:

1. Cấu trúc của NBDS được xây dựng ở VEA cùng với sự hợp tác của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam và các cơ quan, viện nghiên cứu liên quan khác, v.v..
2. Các cơ chế hợp tác chia sẻ, quản lý và sử dụng dữ liệu và thông tin của NBDS với các cơ quan khác được khuyến nghị.
3. Cơ sở dữ liệu cho tỉnh Nam Định được xây dựng là một phần của NBDS.
4. Năng lực vận hành và quản lý NBDS được tăng cường cho các cán bộ của các viện liên quan.

Vietnam's biodiversity is facing severe decline due to the rapid economic development and change in land use. The knowledge beneficial for biodiversity conservation is scattered across the country owned by different entities. Lack of an established survey system to monitor and evaluate biodiversity is also hindering the accumulation of consistent data.

This project aims to develop a National Biodiversity Database System (NBDS) in MONRE. At the local level, Nam Dinh province is selected as the pilot province to test biodiversity monitoring and construct a provincial database. The main outputs will be as follows:

1. Architecture of NBDS is developed in VEA with the cooperation of MARD, MOST, VAST and other relevant agencies, institutes, etc.
2. Collaborative mechanisms for sharing, managing, and utilizing data and information of NBDS with other agencies is recommended.
3. A database for Nam Dinh province is developed as part of the NBDS.
4. Operation and management capacity of the NBDS is strengthened among staff of related institutes.

Hình ảnh /pictures



Nguồn: Vườn Quốc gia Xuân Thủy



Source: Xuan Thuy National Park

Tên /Title

Nghiên cứu Rừng và đất lâm nghiệp tiềm năng liên quan đến "Biến đổi khí hậu và Rừng" (Hợp tác kỹ thuật)

Study on Potential Forests and Land Related to "Climate Change and Forests" (Technical Cooperation)

Cơ quan đối tác /Counterpart

Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Vietnam Administration of Forestry, MARD

Thời gian /Duration

Tháng 9/2009 – 3/2012

September 2009 - March 2012

Địa điểm /Location

Hà Nội

Hanoi

Mục tiêu /Objectives

Nghiên cứu bắt đầu với mục tiêu thu thập các thông tin về đất tiềm năng cho các biện pháp xúc tiến giảm nhẹ biến đổi khí hậu thông qua LULUCF (Sử dụng đất, Thay đổi sử dụng đất và Lâm nghiệp). Cùng với sự quan tâm mới nổi của quốc gia và quốc tế về REDD+, Nghiên cứu đã điều chỉnh chiến lược hướng tới hỗ trợ Việt Nam tăng cường sự chuẩn bị quốc gia cho REDD+. Nghiên cứu này cũng thực hiện ở tỉnh Điện Biên nhằm đưa REDD+ vào cấp tỉnh. Các hợp phần chính của dự án như sau:

This study started with the aim to collect information on potential land for measures to promote mitigation of climate change through LULUCF (Land Use, Land Use Change and Forestry). Following the emerging international and national interest on REDD+, the Study has adjusted its strategy toward supporting Vietnam on enhancing its national preparedness for REDD+. The Study is also targeting Dien Bien province to introduce REDD+ at the provincial level. The main components are as follows:

- | | |
|---|---|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. Thu thập bản đồ rừng và số liệu điều tra rừng, xây dựng thông tin về các vùng tiềm năng cho AR-CDM, REDD+, và các phương pháp thúc đẩy dự trữ các bon khác. 2. Mô phỏng chi phí - lợi ích của các dự án hấp thụ các bon thông qua các nghiên cứu cụ thể 3. Xây dựng REL/RL. 4. Chia sẻ thông tin với các nhà đầu tư tiềm năng. 5. Hỗ trợ đưa REDD+ vào tỉnh Điện Biên. | <ol style="list-style-type: none"> 1. Compile forest maps and forestry inventory data, and produce information on sites with potential for AR-CDM, REDD+, and other methods for promoting carbon storage. 2. Simulate cost-benefit of carbon sequestration projects through case studies. 3. Develop REL/RL. 4. Share information with potential investors. 5. Support the introduction of REDD + in Dien Bien province. |
|---|---|

Hình ảnh /pictures



Tên /Title

Phổ biến công nghệ sản xuất và chế biến KAKI (quả hồng) (Hợp tác kỹ thuật/Quy mô nhỏ)

Dissemination of production and processing technology of KAKI (persimmon) (Technical Cooperation/Grassroots)

Cơ quan đối tác /Counterpart

Thành phố Đà Lạt, Trung tâm công nghệ nông nghiệp

Dalat City Agricultural Technology Center

Thời gian /Duration

3 năm từ 2010

3 years from 2010

Địa điểm /Location

Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Dalat City, Lam Dong province

Mục tiêu /Objectives

Thành phố Iida của tỉnh Nagano, Nhật Bản nổi tiếng với sản xuất hồng khô (Ichida-kaki). Thành phố Đà Lạt, cũng nổi tiếng với sản xuất hồng, đã đề nghị thành phố Iida hỗ trợ kỹ thuật cải thiện kỹ thuật sản xuất và chế biến loại quả địa phương này.

Trang trại Kabu-chan, một nơi sản xuất hồng ở thành phố Iida, đang là đối tác với thành phố Iida, cùng với thành phố Đà Lạt đưa các kỹ thuật sản xuất và chế biến hồng vào các trang trại của họ.

Bằng việc phát triển các kỹ thuật sản xuất và chế biến có thể áp dụng ở địa phương, nông trại Kabu-chan, thành phố Iida và nông dân trồng hồng đang cải thiện sản lượng, chuỗi giá trị và cuối cùng là thương hiệu hồng Đà Lạt.

Iida city of Nagano prefecture in Japan has long been famous for production of dried persimmon (Ichida-kaki). Dalat city, also famous for persimmon production, requested Iida city for technical support to improve the production and processing techniques of this locally produced fruit.

Kabu-chan farm, a local persimmon producer in Iida city, is partnering with Iida city and Dalat city to introduce the improved persimmon production and processing techniques fostered in their farm.

By developing locally adopted production and processing techniques, the Kabu-chan farm, Iida city and the persimmon farmers of Dalat city are aiming to improve the productivity, value-chain, and ultimately the brand of Dalat persimmons.

Hình ảnh /pictures



Tên /Title

Cải thiện đời sống nông thôn và bảo tồn thiên nhiên thông qua việc sử dụng đa mục đích gỗ củi và giấm gỗ ở Vườn quốc gia Bạch Mã (Hợp tác kỹ thuật/quy mô nhỏ)

Improving Rural Living and Nature Conservation by Multipurpose Use of Charcoal and Wood Vinegar in the Bach Ma National Park (Technical Cooperation/Grassroots)

Cơ quan đối tác /Counterpart

Vườn quốc gia Bạch Mã

Bach Ma National Park

Thời gian /Duration

Tháng 7/2008 – 6/2011
Tháng 8/2011 – 3/2013 (pha nối tiếp)

July 2008 – June 2011
August 2011 – March 2013 (follow-up phase)

Địa điểm /Location

Vườn quốc gia Bạch Mã, tỉnh Thừa Thiên-Huế

Bach Ma National Park, T.T. Hue province

Mục tiêu /Objectives

Vườn quốc gia Bạch Mã nằm ở tỉnh Thừa Thiên-Huế, miền Trung Việt Nam. Địa hình dốc, đất nghèo kiệt và điều kiện thời tiết bất ổn là một trong những thách thức chính đối với sinh kế dựa vào nông nghiệp. Việc sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu hóa học ngày càng tăng gây rủi ro cho nông nghiệp bền vững cũng như sức khỏe của người nông dân. Cư dân sống ở vùng đệm của Vườn quốc gia phụ thuộc vào gỗ củi để đáp ứng nhu cầu của họ dẫn đến việc xâm lấn và sử dụng không bền vững nguồn tài nguyên rừng.

Dự án này, đồng thực hiện bởi Trường đại học Nông nghiệp và Công nghệ Tokyo và Vườn quốc gia Bạch Mã, có mục tiêu cải thiện sinh kế nông thôn thông qua việc phát triển bền vững dựa vào việc sử dụng đa mục đích than củi làm từ chất thải nông nghiệp ở vùng đệm của Vườn quốc gia Bạch Mã. Việc sử dụng than củi làm giảm đáng kể lượng gỗ củi được sử dụng bởi các hộ gia đình. Than củi và giấm gỗ được áp dụng trong việc chăn nuôi nhằm ngăn chặn dịch bệnh và cải thiện điều kiện vệ sinh. Giấm gỗ và than ép từ vỏ trấu được sử dụng làm phân bón hữu cơ làm tăng sản lượng nông sản an toàn. Những nỗ lực này góp phần vào việc cải thiện sinh kế cho dân làng và bảo tồn rừng.

Bach Ma national park is located in T.T. Hue province, in central Vietnam. The steep terrain, poor soil and unstable weather conditions are some of the main challenges to agriculture-based livelihoods. Increased use of chemical fertilizers and pesticides present a risk to sustainable agriculture as well as to the health of the farmers. People residing in the buffer-zone of the national park depend on fuel wood for subsistence use, causing encroachment and unsustainable use of forest resources.

This project, jointly implemented by Tokyo University of Agriculture and Technology and Bach Ma National Park, aims to improve rural livelihoods through sustainable development based on multi-purpose use of agro-waste charcoal in the buffer-zone of Bach Ma National Park. Use of charcoal greatly reduces the amount of fuelwoods used by households. Wood charcoal and wood vinegar are applied in animal husbandry to prevent animal diseases and improve hygiene. Wood vinegar and rice husk charcoal are used as organic fertilizer, leading to increased production of safe agricultural produce. These efforts contribute to the improved livelihoods of the villagers and conservation of forests.

Hình ảnh /pictures



Tên /Title

Dự án trồng rừng trên đất cát ven biển miền Nam trung bộ Việt Nam (Pha II) (Viện trợ không hoàn lại)

Project for afforestation on the coastal sandy area in southern central Viet Nam (PHASE II) (Grant Aid)

Cơ quan đối tác /Counterpart

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và tỉnh Quảng Ngãi

MARD and Quang Ngai province

Thời gian /Duration

2009 - 2013

2009 - 2013

Địa điểm /Location

Tỉnh Quảng Ngãi

Quang Ngai province

Mục tiêu /Objectives

Việt Nam có bờ biển dài thường bị ảnh hưởng bởi gió lớn, bão cát và cát bay. Điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt làm hạn chế việc phát triển sinh kế ổn định của cộng đồng dân cư địa phương và cũng gây ra nhiều thiệt hại đối với cơ sở hạ tầng.

Tuy nhiên, do điều kiện thời tiết và địa hình khó khăn, việc trồng rừng ở các vùng này cần áp dụng các kỹ thuật đặc biệt.

Tiếp nối kinh nghiệm của pha trước (PACSA 1), dự án này sẽ xây dựng rừng phòng hộ dọc vùng cát ven biển và cơ sở vật chất liên quan ở vùng ven biển của tỉnh Quảng Ngãi. Dự án cũng sẽ xây dựng cơ sở hạ tầng liên quan chẳng hạn như đường công vụ và chòi canh lửa.

The long coastline of Vietnam is often affected by strong winds, sand storms and moving of sand. The harsh natural condition is inhibiting the development of stable livelihood of the local communities, and also causing damages to the build infrastructure.

However, due to its difficult topographic and weather condition, afforestation in these areas need application of special techniques.

Following the experience of the previous phase (PACSA 1), this project will further extend the success of establishment of protection forests along coastal sandy areas, and related facilities in the coastal areas of Quang Ngai provinces. It will also establish associated infrastructure, such as maintenance roads and watch towers.

Hình ảnh /pictures



5 Các dự án/hợp tác đã hoàn thành trong những năm gần đây

- Dự án phát triển hạ tầng và cải thiện điều kiện sống nông thôn (Dự án vốn vay theo ngành III/Lĩnh vực trồng rừng) (Vốn vay đồng Yên)
3/1999 – 12/2008
- Dự án phục hồi rừng tự nhiên vùng đầu nguồn bị suy thoái ở miền Bắc Việt Nam (RENFODA) (Hợp tác kỹ thuật)
1/10/2003 – 30/9/2008
- Nghiên cứu phát triển tăng cường năng lực chuẩn bị báo cáo nghiên cứu khả thi và kế hoạch thực hiện các dự án trồng rừng ở nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (FICAB) (Hợp tác kỹ thuật)
18/2/2005 – 31/7/2007
- Dự án Hỗ trợ dân làng quản lý rừng bền vững ở Tây nguyên (Hợp tác kỹ thuật)
1/6/2005 – 30/9/2008
- Dự án Nghiên cứu tăng cường năng lực xúc tiến AR-CDM ở Việt Nam (Hợp tác kỹ thuật)
20/10/2007 – 31/3/2009
- Lớp tập huấn trong nước tăng cường năng lực bảo tồn thiên nhiên, giáo dục môi trường và du lịch sinh thái ở các khu bảo tồn Việt Nam (Hợp tác kỹ thuật)
1/5/2006 – 31/3/2009

Recently completed cooperation 5

- Rural Infrastructure Development and Living Standard Improvement Project (Sector Project Loan III/Afforestation Sector) (Yen Loan)
1999.3 – 2008.12
- Rehabilitation of Natural Forest in Degraded Watershed Area in the North of Vietnam (RENFODA) (Technical Cooperation)
2003.10.01 – 2008.09.30
- Development Study on Capacity Building for Preparing Feasibility Studies and Implementation Plan for Afforestation Projects in in the Socialist Republic of Viet Nam (FICAB) (Technical Cooperation)
2005.02.18 – 2007.07.31
- Project on the Villager Support for Sustainable Forest Management in Central Highland (Technical Cooperation)
2005.06.01 – 2008.09.30
- Study on Capacity Development for AR-CDM Promotion in Vietnam (Technical Cooperation)
2007.10.20 – 2009.03.31
- In-country Training Course for Capacity Building on Nature Conservation, Environment Education and Ecotourism for Protected Areas in Vietnam (Technical Cooperation)
2006.05.01 – 2009.03.31





Japan International Cooperation Agency (JICA) Vietnam Office

16th Floor, Daeha Business Centre

360 Kim Ma Street, Ba Dinh District, Hanoi, Vietnam

Tel: (04) 3831 5005 * Fax: (04) 3831 5009

URL: <http://www.jica.go.jp/vietnam/index.html>

Văn phòng JICA Việt Nam

Tầng 16, Trung tâm Thương mại Daeha

360 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam